

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	18	0		18	0	
2		KNT+P5	7:25	16+0	0+0		0+11	0+0	
3		TD2	11:25	18	0		15	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: KNT - P5	CREW: KHOÀN - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3118	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HO SY DUC	KNT	31	1	12			90	PVDWS	Vietnamese
2	TURLOUGH DONOVAN BYRNY	KNT	39-40	2	18			122	BORR	Irish
3	RUSTAM HAYAT	KNT	46-47	2	12			88	DERRICK	Indonesian
4	MOHD KHAIRILNIZAM BIN MOHD ARI	KNT	48-49	2	20			65	VIASAT	Malaysian
5	ARIEF SOESEN	KNT	41-42	2	14	1	9	80	VIASAT	Indonesian
6	NGUYEN TIEN DUNG	KNT	28-29	2	17			86	PVDWS	Vietnamese
7	DUONG MANH QUYET	KNT	30	1	11			83	PVDWS	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU TRUNG	KNT	32	1	14			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	KNT	35-36	2	18			61	SLB	Vietnamese
10	RIM YUSUPOV	KNT	44-45	2	18			71	SLB	Russian
11	MOHAMED NAJIB FATHIE	KNT	33-34	2	17			67	SLB	Malaysian
12	FAHREZA FARKHAN AKBA	KNT	37-38	2	20			97	SLB	Indonesian
13	RUPAM CHOUDHURY	KNT	50-51	2	20			87	SLB	Indian
14	NGUYEN DUC NGHIA	KNT	56	1	9	1	15	69	DMC	Vietnamese
15	NGUYEN SAY THAO	KNT	52	1	12			69	DMC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THANG	KNT	53-54	2	12			73	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	16	1.278	27	244	2	24	0		(+1NBO: LE THI PHUONG THUY)
2	P5	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		16	1.278	27	244	2	24	11		
WEIGHT KG			1.278		244		24			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: NAM - VƯƠNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/3094		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM GIÁP TRÍ	TD2	97	1	3			84	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ NGỌC HOÀN	TD2	04	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN XUÂN	TD2	87	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VINH THUẬT	TD2	92	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN NAM	TD2	01-02	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN VANG	TD2	03	1	2			80	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TÚ	TD2	96	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD2	99,900	2	16			71	PVD BH	Vietnamese
9	BÙI THỌ DƯƠNG	TD2	88	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	85	1	7	1	53	74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH CHÍ CÔNG	TD2	95	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH TUẤN	TD2	91	1	15			88	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN THỦY	TD2	86	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
14	FEDOCHENKO VIKTOR	TD2	89-90	2	13			82	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TD2	98	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ MINH DƯƠNG	TD2	93	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ QUYẾN	TD2	94	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.246	20	125	1	53	18		
TOTAL		17	1.246	20	125	1	53	18		
WEIGHT KG			1.246		125		53			

GRAND TOAL: 1.424 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
TRẦN HÙNG VƯƠNG

☒
☐

VIETSOVPETRO

XNLD VIETSOVPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: TĐ02-VT

Ngày: 12-07-2026	Nơi xuất phát: TÀM DAO-02	Số hiệu máy bay: 622	Giờ cất cánh: 07:45
Chuyến bay: 1	Nơi đến: VÙNG TÀU	Tổ bay: TD2	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh Số	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Phạm Văn Hùng	KS động lực	XN Khoan	Việt Nam	17484	1	4	77
2	Đinh Duy Hải	KS tự động hóa	XN Khoan	Việt Nam	19971	1	8	71
3	Lê Xuân Phương	Thợ Diesel	XN Khoan	Việt Nam	11666	1	7	71
4	Phan Tuấn Anh	Thợ Diesel	XN Khoan	Việt Nam	21376	1	3	85
5	Phạm Thế Chuyển	Thợ Điện	XN Khoan	Việt Nam	9115	1	7	64
6	Dương Hải Bằng	Thợ Điện	XN Khoan	Việt Nam	17067	1	3	78
7	Hồ Văn Hùng	Bosman	XN Khoan	Việt Nam	16192	1	6	73
8	Hồ Chí Công	Thợ móc cáp	XN Khoan	Việt Nam	18717	1	6	78
9	Phạm Văn Thắng	Ks Vật Tư	XN Khoan	Việt Nam	19676	1	5	83
10	Lê Minh Đức	Thông tin	XN Khoan	Việt Nam	11634	1	4	92
11	Mai Đức Thân	Lái cầu	XN Khoan	Việt Nam	17087	1	5	67
12	Trần Thái An	Khí	ĐVL	Việt Nam	16573	1	12	67
13	Trương Hữu Phước	Bác sỹ	TTY tế	Việt Nam		1	5	64
14	Phạm Hồng Sơn	Trưởng nhóm CN	VSP-KhaiThac	Việt Nam	19577	1	5	77
15	Lê Hồng Quang	KS Công nghệ	VSP-KhaiThac	Việt Nam	18779	1	7	75
16	Đường Ngọc Hiền	Thợ VH	VSP-KhaiThac	Việt Nam	21986	1	7	65
17	Vũ Duy Phương	KS TĐH	Getraco	Việt Nam	34087001105	1	4	57
18	Phạm Hồng Quân	KTV	VSP-AnToan	Việt Nam		2	14	79
	Số HK đi:							
					Trọng lượng:	19	112	1323

HÀNG HÒA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện giảm:

Phí công trường:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	18	1323
Hành lý	19	112
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	37	1435



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
B.CARD:	TO: TD2	CREW: MTIẾN - VTHẮNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3095		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI TRỌNG SƠN	TD2						75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH TRÍ	TD2	83	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TIẾN VINH	TD2	74	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC TOÀN	TD2	77	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
5	KHÔNG THÁI BÌNH	TD2	76	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ ĐÌNH HUY	TD2	05	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN BẰNG	TD2	07	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HIỆP	TD2	08	1	5			95	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	TD2						76	KH-THAC	Vietnamese
10	THÁI QUÂN	TD2	79	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	TD2	73	1	4			77	GETRACO	Vietnamese
12	LÊ ANH SƠN	TD2	06	1	9			72	DMC	Vietnamese
13	PHẠM NHẬT LINH	TD2	09-10	2	10			60	DMC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	TD2	78	1	5			81	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN BẢO LONG	TD2	81	1	7			75	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG HẢI	TD2	80	1	8			81	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THẮNG	TD2	75	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LINH	TD2	82	1	3			76	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.328	17	95	0	0	13		
TOTAL		18	1.328	17	95	0	0	13		
WEIGHT KG			1.328		95		0			

GRAND TOTAL: 1.423 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN MINH TIẾN

NGÔ VĂN THẮNG



Tổng cộng	1	13
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	13	938
Hành lý	14	91
Hàng hóa	1	13
Tổng cộng	28	1042